

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 444/QĐ-CĐCD

ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng trường CĐCD Vĩnh Long)

Vĩnh Long, tháng 11 năm 2017

Vinh Long, ngày tháng năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số *AA2* ngày *13*. tháng *12* năm 2017
của Hiệu Trường Trường Cao Đẳng Công Đồng Vinh Long)

Tên ngành, nghề: Cơ khí chế tạo

Mã ngành, nghề: 5520117

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS hoặc THPT

Thời gian đào tạo: 1,5 năm đến 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- + Phân tích được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Trình bày được tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt;
- + Giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 - 2245;
- + Phân tích được độ chính xác gia công và phương pháp đạt độ chính xác gia công;
- + Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo cần thiết của nghề;
- + Trình bày được nguyên lý hoạt động, công dụng của động cơ điện không đồng bộ ba pha, phương pháp sử dụng một số loại khí cụ điện đơn giản dùng trong máy cắt kim loại;
- + Trình bày được nguyên tắc, trình tự chuẩn bị phục vụ cho quá trình sản xuất;
- + Phân tích được quy trình vận hành, thao tác, bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp các máy gia công cắt gọt của ngành;
- + Trình bày được phương pháp gia công cắt gọt theo từng công nghệ, các dạng sai hỏng, nguyên nhân, biện pháp khắc phục;
- + Phân tích được quy trình vận hành, điều chỉnh khí gia công trên các máy công cụ điều khiển số (tiện phay CNC)

+ Giải thích được ý nghĩa, trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác phòng chống tai nạn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, sơ cứu thương nhằm tránh gây những tổn thất cho con người và cho sản xuất và các biện pháp nhằm giảm cường độ lao động, tăng năng suất:

+ Có khả năng tiếp tục học tập lên cao.:

1.2. Mục tiêu cụ thể:

+ Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;

+ Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;

+ Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, dụng cụ cắt cầm tay;

+ Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo thông dụng và phổ biến của nghề;

+ Sử dụng thành thạo các loại máy công cụ để gia công các loại chi tiết máy thông dụng và cơ bản đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;

+ Có khả năng vận hành, điều chỉnh máy gia công những công nghệ phức tạp (khi được thợ bậc cao hoặc cán bộ kỹ thuật trong phân xưởng, nhà máy hướng dẫn phương pháp gia công) đạt cấp chính xác từ cấp 9 đến cấp 11, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;

+ Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá và vật gia công;

+ Chế tạo và mài được các dụng cụ cắt đơn giản;

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

+ Trực tiếp gia công trên các máy công cụ phổ biến, thông dụng của nghề và máy phay CNC;

+ Cán bộ kỹ thuật trong phân xưởng, nhà máy, công ty có liên quan đến ngành cơ khí;

+ Tổ trưởng sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm cơ khí;

+ Có khả năng tự tạo việc làm;

+ Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 24

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1.530 giờ

- Khối lượng các môn học chung / đại cương: 240 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.095 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 413 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.070 giờ

- Thời gian khóa học:

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương					
CT300	Chính trị	02	30	24	04	02
PL201	Pháp luật	01	15	11	02	02
GT101	Giáo dục thể chất	01	30	02	26	02
GA301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	02	45	15	28	02
TH401	Tin học	01	30	08	20	02
AV401	Ngoại ngữ	03	60	30	26	04
KG201	Kỹ năng giao tiếp	01	30	08	20	02
	Tổng	11	240	98	126	16
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
AL201	An toàn lao động	01	15	12	02	01
11081	Vẽ kỹ thuật	02	45	15	28	02
DK401	Dụng sai và kỹ thuật đo	02	30	25	03	02
AC301	AutoCAD	02	60	07	51	02

